

CÔNG TY TNHH TÂN LONG KINH BẮC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TÂN LONG KINH BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN LONG KINH BAC CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2300885082

3. Ngày thành lập: 01/04/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 40, phố Kim Đồng, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0912 011 066

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm cho thuê kho, bãi và KD bất động sản)	5210
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
4.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần; Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hoá...liên quan đến vận tải; Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5229
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại)	4669
11.	Bán buôn tổng hợp (Không bao gồm hàng hóa, dịch vụ, hoạt động kinh doanh khác mà theo qui định pháp luật cấm hoặc hạn chế kinh doanh)	4690
12.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

13.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
14.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
15.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
16.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
17.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
18.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
19.	Thu gom rác thải độc hại	3812
20.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
21.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
22.	Tái chế phế liệu	3830
23.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
24.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
25.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
26.	Xây dựng công trình công ích	4220
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
28.	Phá dỡ	4311
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
34.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
35.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá (Không bao gồm: Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Tư vấn, môi giới , đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	4610
38.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chỉ tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác, dụng cụ y tế , nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất , dụng cụ thể dục, thể thao)	4649
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

41.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
43.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn về môi trường và công nghệ khác)	7490
44.	Cho thuê xe có động cơ	7710
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
46.	Ghi chú: (Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 6.300.000.000 VNĐ

7. Vốn pháp định: 0 VNĐ

8. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	HKTT/Địa chỉ trụ sở chính	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND/HC/MSDN/QĐ
1	NGUYỄN ĐỖ DŨNG	P804-CT5-ĐN3, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.079.000.000	33,00	027082000040
2	NGUYỄN VĂN BẮC	Tổ 20, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.142.000.000	34,00	013472066
3	VŨ THỊ NẾT	Số nhà 40, phố Kim Đồng, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	2.079.000.000	33,00	125036726

9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Họ và tên: NGUYỄN ĐỖ DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 17/11/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027082000040

Ngày cấp: 06/12/2013

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

P804-CT5-ĐN3, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà 39, đường Võ Cường 2, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

10. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh